

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 19

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 5, Số 364, Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có năm (5) công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh, Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động và MWG (Cambodia) Co., Ltd. ("Nhóm Công ty"). Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm 99,95% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, 99,19% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh, 99,95% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, 100% tỷ lệ sở hữu trong , Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động và 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại MWG (Cambodia) Co., Ltd.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Chris Freund	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban	
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2018
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

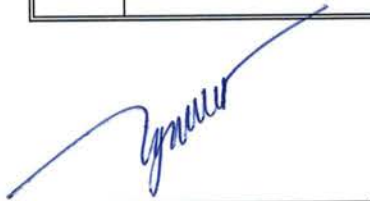
VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.284.354.184.879	2.578.391.651.295
110	I. Tiền	4	8.305.665.929	282.877.235.523
111	1. Tiền		8.305.665.929	282.877.235.523
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.272.958.364.847	2.287.876.487.689
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	2.223.684.807.920	2.266.184.807.920
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	49.273.556.927	21.691.679.769
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		3.090.154.103	7.637.928.083
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.090.154.103	7.637.928.083
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.685.362.373.800	1.795.064.771.000
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn		2.685.362.373.800	1.795.064.771.000
251	1. Đầu tư vào các công ty con	7	2.685.362.373.800	1.795.064.771.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.969.716.558.679	4.373.456.422.295


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.148.230.152.187	1.130.988.727.408
310	I. Nợ ngắn hạn		34.038.485.523	17.932.060.742
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.481.050.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		684.493.603	41.059.943
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	28.043.965.265	11.133.414.144
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		360.026.655	326.536.655
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.114.191.666.664	1.113.056.666.666
338	1. Vay dài hạn	9	1.114.191.666.664	1.113.056.666.666
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.821.486.406.492	3.242.467.694.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	10.1	3.821.486.406.492	3.242.467.694.887
411	1. Vốn cổ phần		3.231.695.210.000	3.169.884.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.231.695.210.000	3.169.884.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		515.362.889.700	628.592.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(343.564.500)	(79.164.500)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.771.871.292	72.033.896.887
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước		72.033.896.887	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.737.974.405	72.033.896.887
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.969.716.558.679	4.373.456.422.295


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	11	29.139.064.231	1.803.505.917.237
22 23	2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	12	(24.013.801.374) (24.013.801.374)	- -
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(1.702.794.850)	(716.268.537)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.422.468.007	1.802.789.648.700
50	5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.422.468.007	1.802.789.648.700
51	6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13	(684.493.602)	(757.383.106)
60	7. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.737.974.405	1.802.032.265.594


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.422.468.007	1.802.789.648.700
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(29.139.064.231)	(1.803.505.917.237)
06	Chi phí lãi vay	12	24.013.801.374	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.702.794.850)	(716.268.537)
09	Giảm các khoản phải thu		712.733.875	-
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.868.036.275)	372.695.660
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(41.059.942)	(495.416.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(3.899.157.192)	(838.989.136)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(808.000.000.000)	(59.350.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		850.500.000.000	50.900.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(890.297.602.800)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và tiền cho vay		844.453.198	653.599
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(846.953.149.602)	(8.449.346.401)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		576.545.137.200	-
32	Mua lại cổ phiếu quỹ		(264.400.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		576.280.737.200	-
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(274.571.569.594)	(9.288.335.537)
60	Tiền đầu kỳ		282.877.235.523	9.450.821.466
70	Tiền cuối kỳ	4	8.305.665.929	162.485.929

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 5, Số 364, Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có năm (5) công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh, Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động và MWG (Cambodia) Co., Ltd. ("Nhóm Công ty"). Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm 99,95% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, 99,19% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh, 99,95% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động và 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại MWG (Cambodia) Co., Ltd.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh

3.4 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	354.000	354.000
Tiền gửi ngân hàng	8.305.311.929	282.876.881.523
TỔNG CỘNG	8.305.665.929	282.877.235.523

5. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất 4,5% đến 8,5%/năm (Thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 14</i>)	36.606.371.419	8.375.455.386
Ký quỹ, ký cược	8.007.208.750	8.007.208.750
Phải thu ngắn hạn khác	4.659.976.758	5.309.015.633
TỔNG CỘNG	<u>49.273.556.927</u>	<u>21.691.679.769</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 3 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	1.027.352.771.000	-	99,95	1.027.352.771.000	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (*)	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,19	860.297.602.800	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thương mại thực phẩm	Đang hoạt động	99,95	659.712.000.000	-	99,95	629.712.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công nghệ thông tin	Đang hoạt động	100,00	138.000.000.000	-	100,00	138.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				2.685.362.373.800	-		1.795.064.771.000	-

(*) Vào ngày 5 tháng 1 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 23.608.706 cổ phiếu, tương đương 95,15% tỷ lệ sở hữu, từ các cổ đông hiện hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh ("Trần Anh"). Theo đó, Trần Anh trở thành công ty con của công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	27.292.863.011	8.961.835.615
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	605.102.254	2.025.578.529
Khác	146.000.000	146.000.000
TỔNG CỘNG	<u>28.043.965.265</u>	<u>11.133.414.144</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. VAY DÀI HẠN

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước như sau:

<i>Trái chủ</i>	<i>Số tiền</i> <i>VND</i>	<i>Lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	Bổ sung nhu cầu vốn đầu tư	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	30.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(20.808.333.336)</u>				
TỔNG CỘNG	<u>1.114.191.666.664</u>				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1.5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.539.509.270.000	628.592.500	(79.164.500)	16.158.114.661	1.556.216.812.661
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.802.032.265.594	1.802.032.265.594
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>1.539.509.270.000</u>	<u>628.592.500</u>	<u>(79.164.500)</u>	<u>1.818.190.380.255</u>	<u>3.358.249.078.255</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.169.884.370.000	628.592.500	(79.164.500)	72.033.896.887	3.242.467.694.887
Cổ phiếu phát hành (*)	61.810.840.000	514.734.297.200	-	-	576.545.137.200
Cổ phiếu quỹ	-	-	(264.400.000)	-	(264.400.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.737.974.405	2.737.974.405
Ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>3.231.695.210.000</u>	<u>515.362.889.700</u>	<u>(343.564.500)</u>	<u>74.771.871.292</u>	<u>3.821.486.406.492</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 02/2017/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thông qua việc phát hành 6.700.000 cổ phần phổ thông cho nhà đầu tư dưới hình thức phát hành riêng lẻ, và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0112/2017/HĐQT/NQ-TGDD ngày 7 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 6.700.000 cổ phần phổ thông cho nhà đầu tư dưới hình thức phát hành riêng lẻ. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0101/2018/HĐQT/NQ-TGDD ngày 5 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 6.181.084 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá là 93.300 VND/cổ phiếu. Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 6.181.084 cổ phần phổ thông cho các nhà đầu tư. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 3.169.884.370.000 VND lên 3.231.695.210.000 VND. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương yêu cầu điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

10.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Số cổ phiếu</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	316.988.437
Tăng trong kỳ	6.181.084
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>323.169.521</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

10.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	323.169.521	316.988.437
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	323.169.521	316.988.437
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(278.925)	(234.160)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	322.890.596	316.754.277

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		<i>VND</i>
Lãi tiền cho vay	29.103.473.533	4.502.530.467
Thu nhập từ cổ tức	-	1.799.002.733.171
Khác	35.590.698	653.599
TỔNG CỘNG	<u>29.139.064.231</u>	<u>1.803.505.917.237</u>

12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		<i>VND</i>
Chi phí lãi vay	<u>24.013.801.374</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		<i>VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.422.468.007	1.802.789.648.700
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	684.493.602	360.557.929.739
<i>Điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	-	(359.800.546.633)
Chi phí thuế TNDN	684.493.602	757.383.106

13.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	621.000.000.000	9.350.000.000
		Lãi cho vay	27.681.611.033	3.595.030.467
		Cổ tức	-	1.799.002.733.171
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn	30.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.144.250.000	907.500.000
		Cho vay	187.000.000.000	50.000.000.000
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	596.645.179	396.760.660

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	2.036.684.807.920	2.165.234.807.920
		Cho vay	187.000.000.000	100.950.000.000
			<u>2.223.684.807.920</u>	<u>2.266.184.807.920</u>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	33.222.957.419	5.541.346.386
		Lãi cho vay	2.770.414.000	2.770.414.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Lãi cho vay	613.000.000	63.695.000
			<u>36.606.371.419</u>	<u>8.375.455.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2018